TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 12 năm 2022
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Thanh Sơn
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
Bà Trịnh Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 11, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

2. Bị đơn: Anh Huang, Yu-Le, sinh năm 1989; địa chỉ: Tầng 2, số 1, đường T, khu T, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc) *(có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Huang, Yu-Le đăng ký kết hôn ngày 13/3/2019 tại UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh Huang, Yu-Le sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc) còn chị sinh sống tại Việt Nam. Do thời điểm kết hôn dịch bệnh Covid kéo dài, khoảng cách về địa lý mỗi người sống một nơi, vợ chồng không thường xuyên gặp nhau, bất đồng ngôn ngữ dẫn đến

tình cảm dần xa cách. Chị xác định mặc dù chị và anh Huang, Yu-Le trên danh nghĩa vẫn là vợ chồng nhưng đang sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Mâu Thuẫn đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên nhủ, động viên nhưng chị và anh Huang, Yu-Le vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Huang, Yu-Le đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huang, Yu-Le.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh và anh Huang, Yu-Le không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị xác định giữa chị và anh Huang, Yu-Le không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Huang, Yu-Le trình bày:

Anh Huang, Yu-Le thừa nhận tình trạng kết hôn như chị Lê Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn do có dịch bệnh Covid anh và chị T mỗi người sống một nước khác nhau, công việc của hai bên bận rộn chỉ liên lạc hỏi thăm nhau qua điện thoại, anh cũng không về Việt Nam thăm chị T được nên tình cảm vợ chồng bắt đầu phai nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau nhiều như trước nữa. Dịch bệnh Covid kéo dài hơn 03 năm anh và chị T không thể gặp nhau, vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T đề nghị ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị Lê Thị T. Do đường xá xa xôi, anh không có mặt tại Việt Nam để giải quyết ly hôn với chị T được, anh đã có ý kiến trình bày gửi Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang để giải quyết theo quy định pháp luật, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh, các tài liệu, chứng cứ, văn bản của tòa án anh đã ủy quyền cho chị T nhận thay anh và thông báo cho anh biết.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Lê Thị T không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh xác định giữa anh và chị Lê Thị T không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn) đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Huang, Yu-Le. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Lê Thị T và anh Huang, Yu-Le không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí buộc chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự: Chị Lê Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huang, Yu-Le. Anh Huang, Yu-Le là người Đài Loan (Trung Quốc), hiện đang sinh sống tại: Tầng 2, số 1, đường T, khu T, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc). Do đó đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Huang, Yu-Le có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ly hôn tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Thị T và anh Huang, Yu-Le theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự (quy định thủ tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Huang, Yu-Le tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/3/2019. Anh Huang, Yu-Le là người Đài Loan (Trung Quốc), sau khi kết hôn anh Huang, Yu-Le sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) còn chị T sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, tuy nhiên do dịch bệnh Covid mỗi người ở một nước khác nhau, khoảng cách địa lý xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Cả hai đều xác định mặc dù trên danh nghĩa là vợ chồng nhưng không có cuộc sống chung, không còn có sự hỏi han động viên, quan tâm chăm sóc gì đến nhau, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Huang, Yu-Le.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Huang,Yu-Le cùng xác định không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Huang, Yu-Le xác định không có tài sản và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Thư đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 35 và các Điều 147, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Huang,Yu-Le.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005218, ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Huang, Yu-Le không phải chịu án phí.

4. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, anh Huang, Yu-Le có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND huyện Y;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Thanh Sơn